TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 17/7/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khánh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Huyền và ông Hà Thanh Oai.

- Thư ký phiên toà: Bà Đồng Nông Phúc, Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà*:** Ông Mai Duy Định, Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2024/TLST-HS ngày 31/5/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-HS ngày 01/7/2024 đối với bị cáo:

Trương Đức T (Tên gọi khác: không), sinh ngày 27/5/1967 tại huyện Ý, tỉnh Nam Định; nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định; đăng ký tạm trú và chỗ ở: P A908 - Chung cư T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Đức H (đã chết) và bà Ngô Thị C, sinh năm 1941; vợ Đinh Thị N, sinh năm 1973 và có 03 con, con đầu sinh năm 1991, con út sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Văn L, sinh năm 1990, trú tại: Thôn Q, xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Vắng mặt tại phiên tòa;

2. Anh Trương Đức H1, sinh năm 1993, trú tại: Số A ngách A T, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 00 giờ 05 phút ngày 02/11/2023, Cảnh sát giao thông Công an huyện N tiến hành tuần tra, kiểm soát trên đường Quốc lộ 3 tại địa phận thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, thì phát hiện xe ô tô BKS 15A-45596 nhãn hiệu TOYOTA INNOVA, do Trương Đức T, sinh ngày 27/5/1967, trú tại: Chung cư T, xã T, huyện T, thành phố Hà Nội điều khiển theo hướng Cao Bằng - Hà Nội, trên xe chở theo 01 nam giới người Trung Quốc không có hộ chiếu và giấy tờ nhập cảnh, lưu trú tại Việt Nam. Người Trung Quốc có họ tên là ZHOU YANG, sinh ngày 07/6/1999, giới tính: Nam; dân tộc: Hán; địa chỉ: Số B, đường H, Trấn Thạch C1, thành phố C, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Ngày 04/11/2023, Công an huyện N đã S chuyển toàn bộ hồ sơ, tang vật đến Cơ quan An ninh điều tra, Công an tỉnh B để điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Trương Đức T là lái xe dịch vụ từ khoảng tháng 7/2023 đến nay, phương tiện mà T sử dụng là chiếc xe ô tô nhãn hiệu "TOYOTA INNOVA" màu vàng mang BKS 15A-45596. Để thuận lợi cho công việc, T tham gia vào hội xe chung, xe ghép qua mạng xã hội Facebook, trên hội nhóm này T có nói chuyện và làm quen với một người tên Vũ Văn L, sinh ngày 12/11/1990, trú tại: Xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định. Từ khoảng giữa tháng 9/2023 đến giữa tháng 10/2023, L đã thuê T đi lên tỉnh Cao Bằng đón người Trung Quốc và đưa về thành phố Hà Nội tổng cộng 05 lần, tiền công mỗi chuyến là 04 triệu đồng, L thanh toán cho T bằng cách chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng V số 236427803 của T hoặc là trả bằng tiền mặt. Trong 05 lần này, có lần đầu tiên L trực tiếp đi cùng T đón khách từ huyện T, tỉnh Cao Bằng về TP Hà Nội, các lần sau L không tham gia.

Đến ngày 20/10/2023, Trương Đức T được T1 và T2 (không rõ họ và địa chỉ, Trương Đức T chỉ biết T1 là nam giới sinh năm 2001, T2 là nữ giới sinh năm 1988) liên lạc và gọi T ra quán nước tại đường T, quận H, thành phố Hà Nội để trao đổi công việc. Qua nói chuyện, T1 và T2 đặt vấn đề thuê T lên huyện B, tỉnh Cao Bằng để đón người Trung Quốc đưa về bến xe N Hà Nội, tiền công mỗi chuyến là 06 triệu đồng và sẽ được thanh toán bằng cách chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng V số 236427803 của T hoặc là trả bằng tiền mặt. Theo T1 và T2 nói thì mỗi lần T đi chở "khách" sẽ thuê xe "hoa tiêu" đi trước làm nhiệm vụ cảnh giới, khi phát hiện thấy lực lượng chức năng sẽ thông báo để T dừng lại tránh bị phát hiện. Tuy nhiên, T không biết ai là người lái xe "hoa tiêu" vì những người này đều do T1, T2 thuê. Sau đó, T2 đưa cho T 02 Sim điện thoại "rác" để T sử dụng liên lạc với T1, T2 nhằm tránh bị cơ quan chức năng phát hiện. T nhận thức được những người Trung Quốc này không có giấy tờ, thủ tục nhập cảnh vào Việt Nam, tuy nhiên vì tiền công cao nên T vẫn nhận lời. Từ ngày 20/10/2023 đến ngày 30/10/2023, T đã đưa đón người Trung Quốc từ huyện B, tỉnh Cao Bằng về Hà Nội cho T1, T2 được 03 lần, mỗi chuyến T chở 01 người và được T1, T2 thanh toán tổng số tiền 18.000.000 đồng.

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 01/11/2023, Trương Đức T được T1, T2 gọi điện thoại và yêu cầu đi lên huyện B, tỉnh Cao Bằng đón khách. Đến khoảng 19

giờ cùng ngày, trong lúc đang di chuyển T nhận được điện thoại từ một người đàn ông không quen biết hỏi T "sắp đến nơi chưa", T trả lời "tôi gần đến nơi rồi", người đàn ông hướng dẫn T đến một địa điểm cách thị trấn B khoảng 10 km để nhận người. Đến điểm hẹn T thấy có 02 người đàn ông đứng đợi bên tay trái đường, T quay ô tô và dừng xe lại, lúc này một trong hai người đàn ông tiến tới mở cửa xe ô tô để người đàn ông còn lại lên xe, còn người đàn ông mở xe đi đâu không rõ. Sau đó, T điều khiển xe ô tô chở người đàn ông Trung Quốc di chuyển từ thị trấn B theo đường quốc lộ 3 để về thành phố Hà Nội. Đến khoảng 00 giờ 05 phút, ngày 02/11/2023 khi đi đến địa phận thị trấn N, huyện N thì lực lượng Công an dừng xe, kiểm tra phát hiện và lập biên bản sự việc.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSBK-P1 ngày 29/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố Trương Đức T về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" theo khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự (BLHS). Điều luật có nội dung:

"1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức,... cho người khác ...nhập cảnh... trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng ... cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm".

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Trương Đức T phạm tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép". Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo T từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, giao bị cáo cho UBND xã T, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách; phạt bổ sung số tiền từ 10 đến 15 triệu đồng; tịch thu 01 điện thoại di động S1 J7 Prime màu vàng - trắng; trả lại bị cáo 01 điện thoại Samsung Galaxy A23 màu xanh - đen. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý vật chứng khác và nộp tiền án phí án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Đức T khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng hình phạt nhẹ nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác

không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của những người tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên toà, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở khẳng định:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 01/11/2023, sau khi Trương Đức T nhận được điện thoại của các đối tượng T1 và T2 (không rõ họ và địa chỉ) về việc thuê chở người Trung Quốc từ Cao Bằng về Hà Nội với giá tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng). Dù biết khách chở là những người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt nam, không có hộ chiếu và giấy tờ nhập cảnh, lưu trú tại Việt Nam, nhưng vì lợi nhuận, nên T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA màu vàng BKS 15A-45596, từ thành phố Hà Nội đến thị trấn B, tỉnh Cao Bằng đón 01 (một) người đàn ông Trung Quốc nhập cảnh trái phép để chở về thành phố Hà Nội. Hồi 00 giờ 05 phút ngày 02/11/2023, khi T điều khiển xe ô tô theo đường quốc lộ 3 đến địa phận thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì tổ công tác của Đội Cảnh sát giao thông, Công an huyện N dừng xe, kiểm tra phát hiện và lập biên bản sự việc.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hiểu rõ việc đưa người nước ngoài không có giấy phép của cơ quan chức năng xâm nhập vào lãnh thổ Việt Nam là vi phạm pháp luật song vì lợi nhuận bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi tổ chức đón người Trung Quốc vào Việt Nam, mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh của bị cáo Trương Đức T đã phạm vào tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" quy định tại khoản 1 Điều 348 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn truy tố bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét tính chất, hành vi bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính của Nhà nước về xuất nhập cảnh, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng nhằm răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Bị cáo Trương Đức T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo có chú là Trương Đức M được Nhà nước tặng Huân chương chiến công hạng nhì, hạng ba. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã nộp số tiền 38.000.000đ (ba mươi tám triệu đồng) tại Cơ quan điều tra với mục đích nhằm đảm bảo thi

hành án, là thể hiện ý thức chấp hành pháp luật. Do vậy, bị cáo được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét thấy, bị cáo Trương Đức T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, không phải chịu tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, mà cho bị cáo được hưởng án treo, chịu sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương thì vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA INNOVA màu vàng BKS 15A-45596, xe cũ đã qua sử dụng mà T đã dùng để chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, xác định là tài sản của con trai T là Trương Đức H1, sinh năm 1993, trú tại: Số A ngách A T, quận H, thành phố Hà Nội. Qua điều tra xác định, T mượn chiếc xe trên của H1 để chở khách, khi chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào ngày 02/11/2023, T không nói cho H1 biết. Do không liên quan đến hành vi phạm tội của T, nên sau khi H1 có đơn xin lại tài sản, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã trả lại chiếc xe ô tô trên và giấy tờ kèm theo cho Trương Đức H1 là đúng quy định.

[6.2] Đối với 01 điện thoại di động S1 J7 Prime màu vàng - trắng, có gắn 02 Sim điện thoại số 0876.582.535 và 0876.584.856 là công cụ phương tiện phạm tội, cần tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước; 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A23 màu xanh - đen, có gắn 02 Sim điện thoại số 0967.225.256 và 0916.537.189 là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

[6.3] Đối với vật chứng gồm: 01 phong bì bên trong có chứa 03 vỏ bánh kẹo, 01 vỏ chai nước có chữ nước ngoài không đọc được, không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

[6.4] Đối với số tiền 13.466.000 đồng thu giữ khi bị phát hiện và 38.000.000 đồng nộp tại Cơ quan điều tra, xác định là tiền của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội. Tuy nhiên, theo đề nghị của bị cáo, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn: Xét thấy, các căn cứ, lập luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật, được chấp nhận. Tuy nhiên, về hình phạt bổ sung, mức đề nghị là thấp, nội dung này sẽ được xem xét khi quyết định hình phạt.

[8] Trong vụ án còn có nội dung:

[8.1] Quá trình điều tra Trương Đức T khai nhận ngoài lần chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép và bị phát hiện vào ngày 02/11/2023, trước đó T còn được chở người Trung Quốc từ Cao bằng về Hà Nội một số lần khác, cụ thể:

Từ khoảng giữa tháng 9/2023 đến giữa tháng 10/2023, Vũ Văn L, sinh năm 1990, trú tại: Xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định đã thuê T đi lên tỉnh Cao Bằng đón người Trung Quốc và đưa về thành phố Hà Nội tổng cộng 05 lần, mỗi chuyến T chở 01 người, tiền công mỗi chuyến là 04 triệu đồng, L thanh toán cho T bằng cách chuyển khoản đến tài khoản ngân hàng V số 236427803 của T hoặc là trả bằng tiền mặt.

Từ ngày 20/10/2023 đến ngày 30/10/2023, T đã đưa đón người Trung Quốc từ tỉnh Cao Bằng về Hà Nội cho các đối tượng T1 và T2 được 03 lần, mỗi chuyến T chở 01 người và được T1, T2 thanh toán tổng số tiền 18.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, do không xác định được nhân thân, lý lịch cụ thể của những người mà Trương Đức T đã chở trong những lần nêu trên và không xác định được những người này nhập cảnh vào Việt Nam có hợp pháp hay không, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với T về nội dung này là có căn cứ.

[8.2] Đối với Vũ Văn L: Quá trình điều tra, L thừa nhận bản thân làm lái xe taxi dịch vụ, vào tháng 9/2023 L có quen biết các đối tượng T1 và T2 (không rõ họ và địa chỉ), T1 và T2 đặt vấn đề với L chở người Trung Quốc từ Cao Bằng về Hà Nội với giá 8.000.000 đồng và được L đồng ý. Sau đó, L thuê lại Trương Đức T chở với giá tiền 4.000.000 đồng một chuyến. Từ giữa tháng 9/2023 đến giữa tháng 10/2023, T đi lên tỉnh Cao Bằng đón người Trung Quốc đưa về thành phố Hà Nội tổng cộng 05 lần và được L trả tổng số tiền 20.000.000 đồng. Kết thúc điều tra, do không xác định được nhân thân, lý lịch của những người mà T đã chở trong 05 lần trên và không xác định được những người này nhập cảnh vào Việt Nam có hợp pháp hay không, nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với L là phù hợp.

[8.3] Đối với các đối tượng tên T1, T2 đã thuê Vũ Văn L và thuê Trương Đức T đưa đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép: Cơ quan điều tra đã gửi Yêu cầu đến Tập đoàn V1 đề nghị cung cấp thông tin về chủ thuê bao, lịch sử cuộc gọi, nội dung tin nhắn của hai số thuê bao gồm: 0876.587.166 và 0876.589.195 là số điện thoại T1, T2 sử dụng để liên lạc với Trương Đức T. Căn cứ vào tài liệu do Tập đoàn V1 cung cấp, không xác định được thông tin chủ sở hữu hai số thuê bao trên. Cơ quan điều tra đã áp dụng nhiều biện pháp điều tra, nhưng không xác định được nhân thân, lý lịch cụ thể của các đối tượng tên T1, T2 nên đã tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau là có căn cứ.

[8.4] Đối với người đàn ông ở Cao Bằng đã liên lạc với Trương Đức T để hẹn địa điểm và giao người Trung Quốc nhập cảnh trái phép cho T: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lý lịch cụ thể của người đàn ông trên nên không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Cơ quan điều tra đã gửi yêu cầu đến V1, đề nghị cung cấp thông tin về chủ thuê bao, lịch sử cuộc gọi, nội dung tin nhắn của số thuê bao 0387.106.800 được trích từ nhật ký điện thoại của T. Căn cứ vào tài liệu V1 cung cấp, xác định chủ sở hữu số điện thoại trên là Chảo Thị M1, sinh ngày 19/7/2004, địa chỉ: Bản D, xã K, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Chị M1 khai nhận từ trước đến nay không đăng ký, không sử dụng, không cho ai mượn thông tin cá nhân để đăng ký số điện thoại 0387.106.800. Do đó, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Chảo Thị M1.

[8.5] Đối tượng người Trung Quốc tên ZHOU YANG là người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. ZHOU YANG khai nhận nhập cảnh trái phép vào Việt Nam với mục đích để đi sang nước CamPuChia làm việc tại vũ trường, sòng bạc. Do đối tượng không mang theo tài sản, nên Công an tỉnh B không tiến hành xử lý hành chính đối với đối tượng về hành vi "Qua lại biên giới quốc gia mà không làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh theo quy định". Ngày 07/11/2023 Công an tỉnh B đã tiến hành trao trả đối tượng trên về Trung Quốc theo quy định.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Đức T phạm tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép".

Áp dụng khoản 1 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Đức T 18 (Mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 (Ba mươi sáu) tháng. Thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Phạt bị cáo Trương Đức T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1 Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung Glaxy J7 Prime màu vàng - trắng, có gắn 02 (hai) Sim điện thoại số 0876.582.535 và 0876.584.856, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

3.2 Trả lại cho bị cáo Trương Đức T 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng nhãn hiệu Samsung Galaxy A23 màu xanh - đen, có gắn 02 (hai) Sim điện thoại số 0967.225.256 và 0916.537.189, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

3.3 Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) phong bì bên trong có chứa 03 (ba) vỏ bánh kẹo; 01 (một) vỏ chai nước có chữ nước ngoài không đọc được.

3.4 Tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo số tiền 13.466.000đ (Mười ba triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) và số tiền 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng).

(Tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận giữa Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh B và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Đức T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT 1 – TANDTC;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh;
- Phòng ANĐT CA tỉnh;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Khánh Phương